

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 54 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 6 -2020

V/v Không công nhận quan hệ vợ
chồng, tranh chấp nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thái Dương - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Dũng và ông Trần Văn Hân

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 148/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị D (có mặt) - sinh năm 1985

Địa chỉ: xóm Q Tr, xã L Th, huyện Yên Thành, Nghệ An

Bị đơn: anh Lê Hồng T (có mặt) - sinh năm 1982

Trú tại: xóm Q Tr, xã L Th, huyện Yên Thành, Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh Lê Hồng T chung sống với nhau từ năm 2010. Trước khi chung sống có tìm hiểu, tự nguyện và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng anh chị không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã có thẩm quyền. Sau khi cưới chị và anh Lê Hồng T sống chung hạnh phúc từ 2010 đến 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Dung là do tính tình của hai người không phù hợp, cuộc sống chung

không có hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xét thấy cuộc sống chung không thể tiếp tục nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Lê Hồng Tiến.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Lê Hồng T có hai con chung là các cháu: cháu Lê Nguyễn Hg A- sinh ngày 16 tháng 02 năm 2012 và cháu Lê Nguyễn B Ng- sinh ngày 03 tháng 11 năm 2014

Chị Dung có nguyện vọng muốn nuôi cả hai cháu vì theo chị từ khi sinh hai cháu, do tính chất công việc anh Tiến thường xuyên đi làm ăn xa, các cháu đã quen sự chăm sóc của chị. Tuy nhiên nếu không được nuôi cả hai cháu thì chị có nguyện vọng nuôi cháu Lê Nguyễn Hg A vì cháu rất cam mẹ, hơn nữa cháu có dấu hiệu stress sau khi chứng kiến bố mẹ mâu thuẫn, còn cháu Lê Nguyễn B Ng thì nhanh nhẹn hoạt bát hơn nên có thể ở với bố

Về tài sản: Chị Dung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại tòa án và tại phiên tòa hôm nay anh Lê Hồng T trình bày: anh và chị Dung có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung thì đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Dung không có ý thức xây dựng hạnh phúc gia đình, mặc dù đã nhờ gia đình hai bên hàn gắn nhưng không được. Nay chị Dung làm đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng Acũng nhất trí vì anh cũng không còn tình cảm với chị Dung.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Thị D có hai con chung cháu Lê Nguyễn Hg A- sinh ngày 16 tháng 02 năm 2012 và cháu Lê Nguyễn B Ng- sinh ngày 03 tháng 11 năm 2014

Anh có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Nguyễn Hg A vì theo anh cháu là con trai, ở với anh sau này còn thờ tự tổ tiên. Mặt khác gia đình anh và gia đình chị Dung khác nhau về tôn giáo nên anh muốn cháu Hg A ở với anh để phù hợp tôn giáo tín ngưỡng sau này của gia đình.

Về tài sản: Anh Lê Hồng T không yêu cầu tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Nguyễn Thị D cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “Không công

nhận là vợ chồng, giải quyết về con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1]Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Dvà anh Lê Hồng T chung sống với nhau là tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục, tập quán tại địa phương. Tuy nhiên hai bên chưa đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau căng thẳng. Nay chị Nguyễn Thị Dvà anh Lê Hồng T xác định tình cảm không còn, đề nghị tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Dung, do chị và anh Tiến không có đăng ký kết hôn nên pháp luật không công nhận là vợ chồng theo quy định tại mục 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 về việc hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]Về nuôi con: chị Nguyễn Thị Dvà anh Lê Hồng T có hai con chung là các cháu Lê Nguyễn Hg A- sinh ngày 16 tháng 02 năm 2012 và cháu Lê Nguyễn B Ng- sinh ngày 03 tháng 11 năm 2014. Chị Nguyễn Thị Dvà anh Lê Hồng T đều có nguyện vọng nuôi hai con chung. Do đó cần phân chia mỗi người nuôi một cháu để đảm bảo quyền nuôi con của hai bên. Trường hợp buộc phải lựa chọn nuôi một trong hai cháu thì anh chị đều muốn nuôi cháu Lê Nguyễn Hg A. Lý do chị Dung, anh Tiến đưa ra đều có tính thuyết phục, tuy nhiên để đảm bảo sự phát triển ổn định của các cháu, tôn trọng ý kiến của cháu Lê Nguyễn Hg A trong đơn trình bày ý kiến cũng muốn ở với mẹ. Do đó giao cháu Lê Nguyễn Hg A cho chị Dung trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Nguyễn B Ng cho anh Lê Hồng T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau

[3]Về tài sản: chị Nguyễn Thị Dvà anh Lê Hồng T không yêu cầu tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4]Về án phí: chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 9 khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; mục 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 về việc hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Lê Hồng T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lê Nguyễn Hg A- sinh ngày 16 tháng 2 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Nguyễn Bảo Ngọc- sinh ngày 03 tháng 11 năm 2014 cho anh Lê Hồng T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị Dung và anh Tiến có quyền và nghĩa vụ đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Dung đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000395 ngày 24 tháng 4 năm 2020 của cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận

- VKS H. Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H. Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND xã L Th (ĐKKH)
- Lưu hs, VP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thái Dương

